

Số: 742 /SKHĐT-THQH

Lạng Sơn, ngày 29 tháng 6 năm 2018

V/v Khung hướng dẫn đánh giá giữa
kỳ giai đoạn 2016 - 2020 và xây
dựng kế hoạch KT-XH năm 2019

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 579/UBND-TH ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4028/BKHĐT-TH ngày 14/6/2018 về việc Khung hướng dẫn đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng kế hoạch năm 2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư xin gửi đến các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố Khung hướng dẫn đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 (tài liệu có thể tải về từ Trang Thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Cổng thông tin điện tử tỉnh: <http://sokhdt.langson.gov.vn/>).

A. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm 2016 - 2018

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, của Hội đồng nhân dân tỉnh, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của UBND tỉnh và các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động đã được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh thông qua từ năm 2016 đến nay; trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2 năm 2016, 2017 và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội khách quan, trung thực; nêu ra các tồn tại, hạn chế; phân tích các nguyên nhân khách quan và chủ quan trong các năm 2016, 2017 và ước thực hiện 2018. Các nội dung chủ yếu cần tập trung đánh giá bao gồm:

1. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, cải cách hành chính và quốc phòng an ninh đã đề ra.

2. Đánh giá sự phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế, bao gồm:

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới: Đánh giá hình

thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Đánh giá kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; kết quả chuyển dịch và tái cơ cấu nội ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Đánh giá sâu về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Công tác tổ chức triển khai thực hiện; huy động nguồn lực để xây dựng nông thôn mới; các mô hình phát triển sản xuất mới,... Số tiêu chí nông thôn mới đạt được ở từng xã, số xã, tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến hết năm 2018,...

- Phát triển kinh tế cửa khẩu: Công tác quản lý, điều hành; việc triển khai xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách và quy hoạch các phân khu chức năng của Khu kinh tế cửa khẩu; kết quả đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các dự án lớn tại thành phố Lạng Sơn, các khu vực cửa khẩu; tình hình, kết quả thu hút đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu,... Kết quả hoạt động xuất nhập khẩu,...

- Hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, bao gồm: Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, nguồn tín dụng đầu tư của nhà nước và tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các khoản viện trợ phi Chính phủ, nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đầu tư của dân cư và tư nhân.

- Về phát triển công nghiệp: Đánh giá việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, kết quả thực hiện các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh, việc phát triển công nghiệp phụ trợ, năng lực mới tăng thêm trong sản xuất công nghiệp,... Việc thực hiện các cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp. Đánh giá đầu tư xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; tình hình thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Tình hình, kết quả sản xuất tiêu thu công nghiệp trên địa bàn.

- Về phát triển dịch vụ: Phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ; công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; công tác quản lý thị trường, giá cả. Đánh giá việc khai thác tiềm năng, đầu tư để phát triển du lịch; kết quả phát triển dịch vụ du lịch. Tình hình, kết quả phát triển các ngành dịch vụ khác như: ngân hàng, bưu chính, viễn thông, giao thông vận tải,...

- Công tác xúc tiến đầu tư và phát triển doanh nghiệp. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn.

- Công tác thu, chi ngân sách nhà nước: Đánh giá kết quả thu ngân sách nhà nước theo các khoản thu. Tình hình chi ngân sách nhà nước hằng năm; tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển; công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đánh giá tình hình, kết quả phát triển và đổi mới giáo dục - đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; khoa học - công nghệ; thông tin, văn hóa, thể dục thể thao; y tế; giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; bảo hiểm; thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo,...

4. Đánh giá tình hình quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, việc thu gom, xử lý rác thải,...

5. Công tác cải cách hành chính, tư pháp, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

6. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương, việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng tỉnh, huyện, thành phố trở thành khu vực phòng thủ vững chắc; công tác bảo đảm an ninh, trật tự; công tác đối ngoại.

7. Đánh giá tổng quát về kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm: Những kết quả đạt được, các hạn chế, yếu kém; các nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan trong hạn chế, yếu kém,...

II. Một số nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2020

1. Dự báo tình hình trong nước và tỉnh có tác động, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

2. Dự báo khả năng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện từ nay đến năm 2020 để phấn đấu thực hiện đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

(Số liệu chi tiết theo các biểu tại Phụ lục I kèm theo Công văn này)

B. ĐÁNH GIÁ GIỮA KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá giữa kỳ 03 năm thực hiện quá trình cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 dựa trên các nguyên tắc sau:

- Đánh giá theo các tiêu chí rõ ràng, có thể đo lường, so sánh được kết quả triển khai các nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế tỉnh.

- Việc đánh giá dựa trên các nhận định khách quan, số liệu chính xác, cập nhật do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp.

2. Nội dung đánh giá

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại **Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh** thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 17/02/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách

lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cụ thể:

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân từ 8 - 9%.
- Đến năm 2020 tỷ trọng các ngành trong cơ cấu GRDP là: Nông lâm nghiệp 19 - 20%, công nghiệp - xây dựng 20 - 21%, dịch vụ 60 - 61%.
- Đến năm 2020 GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.600 - 2.700 USD.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cả giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 76 - 78 nghìn tỷ đồng.
- Giai đoạn 2016 - 2020 bình quân mỗi năm có khoảng 350 doanh nghiệp được thành lập mới, đến năm 2020 toàn tỉnh có 3.130 doanh nghiệp.
- Giai đoạn 2016 - 2020 có thêm 75 hợp tác xã thành lập mới, đến năm 2020 toàn tỉnh có khoảng 200 hợp tác xã.
- Tạo việc làm mới cả giai đoạn 2016 - 2020 trên 70.000 người, bình quân trên 14.000 người/năm, nâng tổng số lao động có việc làm trong nền kinh tế trên 519.000 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%; tỷ trọng lao động trong ngành nông nghiệp chiếm 67,93%, công nghiệp - xây dựng chiếm 7,72%, dịch vụ 24,84%.
- Thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn có hoạt động đổi mới sáng tạo, tốc độ tăng năng suất lao động bình quân hằng năm cao hơn 5,5%.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các doanh nghiệp có vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

4. Sở Công Thương, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

5. Sở Công Thương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển nhanh các ngành dịch vụ, du lịch.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới cách thức thực hiện liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa.

8. Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

(Tình hình thực hiện, số liệu chi tiết theo Phụ lục II kèm theo Công văn này)

C. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

1. Về phát triển kinh tế

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm ước tăng 7,98% (cùng kỳ năm 2017 tăng 5,9%); trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 0,58%, công nghiệp và xây dựng tăng 29,94%, dịch vụ tăng 5,25%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,11%. Về cơ cấu kinh tế: nông lâm nghiệp chiếm 21,61%; công nghiệp và xây dựng chiếm 19,5%; dịch vụ chiếm 49,42%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,46%.

a) Sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Tích cực chỉ đạo thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tăng cường khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh triển khai xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất kiểu mẫu tại các xã đạt chuẩn nông thôn mới; đã chấp thuận chủ trương đầu tư 03 dự án tổng thể và đang triển khai 06 mô hình phát triển sản xuất gắn với xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị để chỉ đạo điềm. Lựa chọn được 09 tri thức trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn tại các hợp tác xã. Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân ước 49,8 nghìn ha, đạt 96% kế hoạch, bằng 99,4% cùng kỳ, tổng sản lượng lương thực 160,2 nghìn tấn, đạt 101,3% kế hoạch, bằng 99,2% cùng kỳ. Đàn gia súc, gia cầm cơ bản ổn định, tổng đàn bò tăng 1,5% so với cùng kỳ, đàn gia cầm tăng 18%, đàn lợn giảm 10,2%, đàn trâu giảm 7,2%. Trồng rừng mới được 6.753 ha, đạt 75% kế hoạch, giảm 7,1% so với cùng kỳ. Xảy ra 07 vụ cháy rừng, giảm 10 vụ so với cùng kỳ, làm thiệt hại 21,9 ha rừng, giảm 13,5 ha.

Tập trung thực hiện toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tập trung vào 12 xã phấn đấu đạt chuẩn năm 2018, 05 xã đặc biệt khó khăn phấn đấu đến năm 2020 đạt chuẩn, 10 xã đạt dưới 5 tiêu chí, 10 xã đặc biệt khó khăn các huyện lựa chọn chỉ đạo hết năm 2020 đạt từ 10 tiêu chí trở lên. Ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020. Lựa chọn xã Chi Lăng, huyện Chi Lăng và xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn thí điểm xây dựng xã nông thôn mới kiểm mẫu; tại các xã đã đạt chuẩn xây dựng 01 khu dân cư kiểu mẫu; tiếp tục huy động nguồn lực để hỗ trợ phát triển sản xuất tại các xã chỉ đạo điểm. Hết tháng 5/2018 bình quân 01 xã đạt 8,96 tiêu chí, đối với 12 xã phấn đấu về đích năm 2018 bình quân đạt 11,25 tiêu chí/xã.

b) Phát triển kinh tế cửa khẩu

Tập trung đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; ban hành đề cương và xây dựng Đề án điều chỉnh phạm vi, quy mô Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Các lực lượng chức năng đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, chủ động phối hợp thực hiện các giải pháp tăng thời gian thông quan, phân luồng, phân tuyến để giải tỏa nhanh ứ ứ hàng hóa xuất khẩu tại khu vực cửa khẩu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước 2.430 triệu USD, đạt 50,4% kế hoạch, tăng 5% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu 1.540 triệu USD, đạt 54% kế hoạch, tăng 9,2%; nhập khẩu 890 triệu USD, đạt 45,2% kế hoạch, giảm 1,7%. tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ Các dự án trong Khu kinh tế cửa khẩu: Đường Hữu Nghị - Bảo Lâm, Nhà kiểm soát liên ngành số 1 cửa khẩu Chi Ma, Nhà làm việc liên ngành và nhà công vụ cửa khẩu Bình Nghi, Cổng cửa khẩu Tân Thanh. triển khai các bước giải phóng mặt bằng Dự án Khu trung chuyển hàng hóa, dự án Khu chế xuất 1 đã cấp chứng nhận đăng ký đầu tư, đang lập quy hoạch chi tiết 1/500.

c) Hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Công tác quản lý các dự án đầu tư công được tập trung chỉ đạo quyết liệt; kế hoạch vốn được giao chi tiết và kịp thời ngay từ đầu năm; phân cấp cho UBND cấp huyện chủ động phân bổ chi tiết nguồn vốn theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Giá trị khối lượng thực hiện các nguồn vốn ước đạt 1.644,1 tỷ đồng, đạt 53,5% kế hoạch, tăng 27,3% so với cùng kỳ. Công tác giải ngân thanh toán vốn được kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định; số vốn giải ngân ước đạt 1.655,4 tỷ đồng, đạt 53,2% kế hoạch.

Năm 2018, UBND tỉnh xác định 8 dự án trọng điểm để tập trung chỉ đạo thực hiện, tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm đạt khá. Dự án Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Hữu Lũng - Chi Lăng cơ bản thông tuyến, xong 90% nền, 30% lớp móng cấp phối đá dăm; đoạn Hữu Nghị - Chi Lăng đang tích cực triển khai giải phóng mặt bằng; tổ chức tiếp nhận hồ sơ dự án từ Bộ Giao thông vận tải; thực hiện thu phí đường bộ từ ngày 01/6/2018 tại Km93+160 Quốc lộ 1A.

Công tác xử lý nợ xây dựng cơ bản được quan tâm thực hiện; tổng số nợ đọng đến 31/12/2014 còn 62,9 tỷ đồng; năm 2018 đã bố trí vốn thanh toán là 38,5 tỷ đồng, bằng 61% tổng số nợ. Đến ngày 31/3/2018, tổng số nợ giá trị khối

lượng hoàn thành của 337 dự án khoảng 1.116,8 tỷ đồng (trong đó đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2 năm 2019 - 2020 là 743,3 tỷ đồng).

d) Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp ổn định và có bước tăng trưởng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11,24% so với cùng kỳ, trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 22,8%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 17,12%; cung cấp nước, xử lý nước thải tăng 6,4%. Một số sản phẩm tăng khá so với cùng kỳ như: Điện sản xuất tăng 15,5%, điện thương phẩm tăng 9,5%, than sạch tăng 15,7%, xi măng tăng 13,5%, đá các loại tăng 14,9%.

đ) Hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch

Hoạt động thương mại, dịch vụ diễn ra sôi động, cung ứng đầy đủ, kịp thời hàng hóa, dịch vụ thiết yếu bảo đảm cân đối cung cầu, giá cả được kiểm soát, thị trường bình ổn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn ước đạt 9.150 tỷ đồng, bằng 54,5% kế hoạch, tăng 10,1% so với cùng kỳ. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng tăng 1,92% so với cùng kỳ.

- Hoạt động giao thông vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, doanh thu vận tải ước đạt 590 tỷ đồng, tăng 4,3% so với cùng kỳ. Dịch vụ bưu chính, viễn thông tiếp tục được đầu tư, nâng cao chất lượng, mở rộng phạm vi phục vụ; doanh thu dịch vụ bưu chính đạt 22 tỷ đồng, tăng 12%; doanh thu viễn thông đạt 220 tỷ đồng, tăng 3%. Lũy kế đến 30/6/2018, tổng nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại ước đạt 24.600 tỷ đồng, tăng 6,2% so với 31/12/2017; tổng dư nợ tín dụng 25.300 tỷ đồng, tăng 4,4% so với 31/12/2017.

Trong 6 tháng thu hút trên 1,6 triệu lượt khách, đạt 59,2% kế hoạch, tăng 9,3%, trong đó 1,4 triệu lượt khách trong nước và 194,2 nghìn khách quốc tế; doanh thu du lịch toàn xã hội 554 tỷ đồng, đạt 57,1% kế hoạch, tăng 8,6%.

e) Phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã và xúc tiến đầu tư

Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 215 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 7,5% so với cùng kỳ, đến nay, toàn tỉnh có 2.570 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, với tổng số vốn 18.646 tỷ đồng. Đã thành lập mới 18 hợp tác xã, giải thể 03 hợp tác xã; toàn tỉnh hiện có 183 hợp tác xã.

Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư tiếp tục có chuyển biến tích cực. Hoàn thành quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 23 dự án mới, tổng vốn đăng ký 7.038 tỷ đồng (tăng 06 dự án và 3.030 tỷ đồng so với cùng kỳ); tiếp xúc, làm việc với một số nhà đầu tư tiềm năng để mời gọi đầu tư. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, hiện có 05 dự án đang triển khai thủ tục đầu tư, tiếp tục đề xuất mới 3 dự án thực hiện theo hình thức PPP.

g) Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước 2.817,4 tỷ đồng, đạt 44,7% dự toán, giảm 7,3% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa đạt 1.353 tỷ đồng, đạt 61,6% dự toán, tăng 11,8%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.461,6 tỷ đồng, đạt 35,7% dự toán, giảm 20%. Tổng chi ngân sách địa phương ước đạt 5.389,5 tỷ đồng, bằng 53,7% dự toán, tăng 42,5% so với cùng kỳ, trong đó: Chi trong cân đối 4.270 tỷ đồng, đạt 54,6% dự toán, tăng 33,9%; chi các chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác 1.128 tỷ đồng, đạt 50,3% dự toán, tăng 88,9%.

h) Tài nguyên và môi trường, khoa học - công nghệ

Tập trung thực hiện cải cách thủ tục hành chính về đất đai, triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép khai thác nước, khoáng sản, đánh giá tác động môi trường. Hoàn thành công tác rà soát quỹ đất, tài sản công trên địa bàn 11 huyện, thành phố. Tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động khoáng sản, xử lý các trường hợp ngừng khai thác, đóng cửa mỏ. Tích cực giải quyết các hồ sơ giao đất, thuê đất; giải quyết các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tiếp tục triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; theo dõi, đôn đốc thực hiện 32 nhiệm vụ khoa học - công nghệ theo tiến độ. Đã tuyển chọn và xây dựng nhãn hiệu tập thể cho 5 sản phẩm nông sản. Tăng cường quản lý khoa học - công nghệ trên các lĩnh vực: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quản lý công nghệ và an toàn bức xạ, quản lý sở hữu trí tuệ,...

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2017 - 2018 ở các cấp phổ thông; kết quả thi học sinh giỏi quốc gia cao hơn năm học trước; chuẩn bị tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia; công nhận thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường đạt chuẩn lên 181 trường. Tiếp tục phổ cập giáo dục ở các cấp học. Tổ chức rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, đội ngũ giáo viên; đã sáp nhập được 34 điểm trường tiểu học, 02 cặp trường trung học và trung học cơ sở.

Tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII của Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Ước 6 tháng khám bệnh cho 648 nghìn lượt người, đạt 50% kế hoạch; điều trị bệnh khoảng 91 nghìn lượt người, đạt 50% kế hoạch.

Nhiều hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi, tổ chức các lễ hội lớn với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, thiết thực. Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại các di tích, lễ hội được tuân thủ đúng quy định; không xảy ra tình trạng lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín, dị đoan. Hoàn thành Đại hội Thể dục thể thao cấp xã, cấp huyện.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được thực hiện đồng bộ gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5%, tương đương 2.700 hộ, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh hiện còn 17,57%. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đầy đủ; tỷ lệ

người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,8%. Các chính sách về dân tộc, tôn giáo được thực hiện kịp thời, đúng quy định.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; chống buôn lậu, gian lận thương mại

Đã tổ chức 159 cuộc thanh tra, kiểm tra, tăng 6% so với cùng kỳ, đã kết thúc 111 cuộc, phát hiện sai phạm với số tiền 3,05 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 2,7 tỷ đồng. Cơ quan hành chính các cấp đã tiếp 896 lượt công dân, tăng 3,6% so với cùng kỳ; tổng số đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của thủ trưởng các cơ quan hành chính là 81 đơn, tăng 14,1%; đã giải quyết được 67 đơn, đạt 82,7%. Tiếp tục rà soát, giải quyết các vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài. Triển khai 08 cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; đã kết thúc 6 cuộc, phát hiện sai phạm 189,7 triệu đồng.

Các lực lượng chức năng đã kiểm tra, xử lý 3.168 vụ, tăng 23,7% so với cùng kỳ; số tiền vi phạm hành chính 10,8 tỷ đồng, tăng 12,2%; phạt bổ sung, truy thu thuế 12,9 tỷ đồng, tăng 13,5%; trị giá hàng hoá vi phạm 24 tỷ đồng, bằng 60,7% cùng kỳ.

4. Quốc phòng - an ninh, đối ngoại

Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Đã tổ chức tốt các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, chủ động nắm tình hình, xây dựng các phương án ứng phó với mọi tình huống, không để xảy ra các vụ việc phức tạp về tội phạm, mất an ninh trật tự. Phạm pháp hình sự tiếp tục được kiềm chế; công tác điều tra được tăng cường, tỷ lệ khám phá án cao, đạt 91%. Từ 16/12/2017 đến 15/6/2018 xảy ra 29 vụ tai nạn giao thông, làm chết 29 người, bị thương 16 người; so với cùng kỳ năm 2017 giảm 2 vụ (-6,5%), giảm 4 người chết (-12,1%), tăng 9 người bị thương (128,6%).

Công tác đối ngoại được chủ động triển khai tích cực, đúng định hướng, có trọng tâm trọng điểm, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Quan hệ hữu nghị hợp tác với Quảng Tây, Trung Quốc tiếp tục được tăng cường, thúc đẩy đi vào chiều sâu, đem lại hiệu quả thiết thực. Thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân, xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

5. Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính được tăng cường, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính. Đã ban hành 42 văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh; công bố 70 văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần. Trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh đã cung cấp 1.715 dịch vụ công mức độ 2, 569 dịch vụ công mức độ 3, 8 dịch vụ công mức độ 4. Công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy được thực hiện tích cực: Đối với các cơ quan cấp tỉnh đã giảm 08/162 phòng chuyên môn thuộc cấp sở, giảm 06/109 đơn vị sự

ng nghiệp trực thuộc cấp sở, giảm 01 chi cục trực thuộc sở, các cơ quan cấp huyện đã giảm 21/142 phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, giảm 12/23 đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao, thông tin.

II. DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2018

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 8%, trong đó nông lâm nghiệp 3,5 - 4%; công nghiệp - xây dựng 16 - 17%; dịch vụ 8 - 9%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp chiếm 20 - 21%, công nghiệp - xây dựng 18 - 19%, dịch vụ 60 - 61%.

- Thu nhập bình quân đầu người 39,7 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực khoảng 310,0 nghìn tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng 9 - 10%.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 5.800 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương 10.400 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 17.800 tỷ đồng.

2. Các chỉ tiêu xã hội:

- Xây dựng 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ cứng hóa đường ô tô đến trung tâm xã đạt 76%.

- Phát triển thêm 15 trường học đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ thôn, khối phố có nhà văn hoá đạt 96%.

- Phát triển thêm 26 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 31,9%; có 9,5 bác sỹ và 27,8 giường bệnh/10.000 dân; 95,8% người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 50,0%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo khoảng 3%.

- Giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí từ 5% trở lên.

3. Các chỉ tiêu môi trường:

- Trồng mới 9.000 ha rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,0%.

- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 91,0%, tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch đạt 99,0%.

- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 93,0%, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 96,5%.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018

1. Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện các Nghị quyết của Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2018. Thực hiện có kết quả 3 chương trình kinh tế trọng tâm, các nhóm nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh năm 2018. Đẩy mạnh thực hiện chủ đề của năm 2018 về “Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp”. Tập trung các biện pháp đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong 6 tháng cuối năm khoảng 8,5 - 9,5% so với cùng kỳ. Hoàn thành khung nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.

2. Thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển các sản phẩm chủ lực theo hướng hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, xây dựng thương hiệu và quảng bá sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Xây dựng, nhân rộng các vùng sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn cho các loại rau, cây ăn quả đặc sản. Thực hiện đồng bộ các giải pháp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh đổi mới hình thức tổ chức sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị. Từng bước phát triển mô hình chăn nuôi công nghiệp, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hoàn thành vượt mức kế hoạch trồng rừng mới, tăng cường quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phòng chống dịch bệnh, đói, rét cho cây trồng, vật nuôi. Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu các đặc sản gắn với hoạt động văn hóa, du lịch cộng đồng. Tích cực xây dựng nhãn hiệu các sản phẩm chủ lực của địa phương.

Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, phấn đấu có thêm 12 xã đạt chuẩn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án xây dựng hạ tầng theo từng tiêu chí; tích cực triển khai thực hiện 03 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu tại các xã đã đạt chuẩn theo kế hoạch.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục thông quan. Gặp gỡ, làm việc với các doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi và thu hút doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu qua địa bàn. Phấn đấu tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn đạt thêm 2.400 triệu USD. Chú trọng mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng giá trị các mặt hàng xuất khẩu của địa phương. Tăng cường công tác quản lý bến, bãi đỗ xe tại khu vực cửa khẩu; nâng cao năng lực phục vụ của các bến bãi. Hoàn thành Đề án điều chỉnh phạm vi, quy mô Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án Khu Trung chuyển hàng hóa, Khu chế xuất 1.

4. Chủ động thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tiếp nhận dự án đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để thi công đoạn Chi Lăng - Hữu Nghị. Đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư dự án Cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn

Km33 - Km47 và Km58 - Km80 Quốc lộ 4B. Tập trung nỗ lực để hoàn thành và đưa vào sử dụng một số dự án trọng điểm của tỉnh năm 2018. Đẩy mạnh thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn, phấn đấu cứng hóa được trên 400 km mặt đường giao thông nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và tổ chức khởi công dự án Hồ chứa nước Bản Lải. Tăng cường quản lý trật tự đô thị, quy hoạch xây dựng tại các khu đô thị.

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, triển khai có hiệu quả các dự án quan trọng tại khu vực cửa khẩu, thành phố Lạng Sơn theo hình thức đối tác công tư (PPP), các dự án vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), tăng cường xúc tiến vận động các nguồn vốn ODA. Tập trung giải phóng mặt bằng để sớm khởi công dự án Quần thể khu du lịch sinh thái, cáp treo Mẫu Sơn. Hoàn thành thủ tục lựa chọn nhà đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án PPP đủ điều kiện. Kiểm tra, rà soát các dự án đầu tư nguồn vốn ngoài ngân sách, kiên quyết thu hồi dự án chậm tiến độ, chủ đầu tư không đủ năng lực. Tích cực triển khai các công việc của dự án “Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn”.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư công; vai trò của các cơ quan chức năng trong các bước triển khai thực hiện dự án, nhất là công tác thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, công tác quản lý chất lượng, tiến độ thực hiện công trình. Tăng cường công tác giải ngân và thanh, quyết toán vốn các dự án, nhất là các dự án đã quyết toán và có khối lượng thanh toán lớn.

5. Đẩy mạnh tăng trưởng những ngành công nghiệp có lợi thế. Khai thác tốt thị trường nội địa, mở rộng, phát triển thị trường mới. Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm; kiểm soát chặt chẽ chất lượng, thị trường, giá cả hàng hóa.

6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển. Khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, áp dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Phấn đấu trong 6 tháng cuối năm có thêm 350 doanh nghiệp thành lập mới. Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh trên toàn bộ các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (DDCI).

Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, triển khai thí điểm mô hình đưa tri thức trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2018 - 2020. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới hoạt động doanh nghiệp có vốn nhà nước.

7. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là quản lý việc khai thác đất, đá, cát, sỏi, ngăn chặn và xử lý nghiêm tình trạng khai thác trái phép. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân còn tồn đọng. tập

trung rà soát việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất lâm nghiệp. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát, ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các mỏ đất và khai thác đất san lấp phục vụ dự án Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.

Khuyến khích đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chú trọng công tác sở hữu trí tuệ để nâng cao năng suất lao động, giá trị và chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tiếp tục quản lý tốt các dự án, đề tài khoa học - công nghệ đang thực hiện.

8. Thực hiện quyết liệt công tác thu ngân sách nhà nước, phấn đấu 6 tháng cuối năm thu đạt trên 3.600 tỷ đồng, trong đó thu nội địa trên 958 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu trên 2.638,4 tỷ đồng. Thực hiện triệt để các biện pháp tiết kiệm chi, chống thất thoát, lãng phí ngân sách. Rà soát, sắp xếp chi thường xuyên để dành vốn chi những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

9. Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn giáo viên trong dịp hè năm 2018; chuẩn bị tốt các điều kiện cho khai giảng năm học 2018 - 2019; tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phấn đấu xây dựng thêm 10 trường học đạt chuẩn quốc gia.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác y tế dự phòng, không để xảy ra dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục tăng cường điều trị tại tuyến xã, thực hiện hiệu quả mô hình bác sĩ gia đình. Hoàn thành 26 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tập trung triển khai Đề án tự chủ tài chính đối với 02 bệnh viện tuyến tỉnh và 05 trung tâm y tế huyện.

Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh; thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; xây dựng lối sống, nếp sống văn minh, môi trường văn hóa lành mạnh; tăng cường quản lý các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa. Tổ chức tốt Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Lạng Sơn năm 2018.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách bảo trợ xã hội. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, phấn đấu tỷ lệ qua đào tạo đạt 50%, giải quyết việc làm cho khoảng 7.500 người, giảm tỷ lệ hộ nghèo cả năm trên 3%. Thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; công tác dân tộc, tôn giáo. Triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đối với dân tộc thiểu số ít người ở các xã đặc biệt khó khăn.

10. Tăng cường công tác quản lý biên giới, bảo đảm giữ vững an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới. Thực hiện tốt công tác quốc phòng địa phương; nâng cao chất lượng huấn luyện, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng cấp huyện; diễn tập phòng thủ cấp xã. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, triệt phá, kiềm chế, làm giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, chủ động các phương án bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông khu vực Trạm thu phí

đường bộ tại Km93+160 Quốc lộ 1A. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông; giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí từ 5% trở lên; không để xảy ra ùn tắc giao thông kéo dài. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống cháy nổ.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại; tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với Quảng Tây (Trung Quốc). Đẩy mạnh tiếp xúc, hợp tác với các địa phương, tổ chức khác của Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga và các quốc gia có tiềm năng. Phối hợp tổ chức Lễ công bố mở chính thức cặp cửa khẩu song phương Chi Ma (Việt Nam) - Ái Điền (Trung Quốc). Xây dựng Đề án tổ chức Chương trình gặp gỡ đầu Xuân năm 2019 và Hội nghị lần thứ 10 Ủy ban Công tác liên hợp tại tỉnh, Đề án nâng cấp cửa khẩu Bình Nghi lên cửa khẩu chính.

11. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, nhất là giải quyết công việc của người dân, doanh nghiệp. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính thường xuyên và đột xuất, xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây phiền hà, nhũng nhiễu người dân và doanh nghiệp; kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao. Phần đầu có trên 500 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Tập trung triển khai các Nghị quyết Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 và 7 khóa XII; thực hiện quyết liệt, hiệu quả Đề án tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, dư luận xã hội quan tâm; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi gây thất thoát, sử dụng lãng phí tài sản, ngân sách nhà nước. Tiếp tục xác định công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

12. Thực hiện tốt các cuộc phát động thi đua, khen thưởng năm 2018. Triển khai xây dựng và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2019. Chuẩn bị chu đáo các nội dung trình kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân các cấp.

Phần thứ hai

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Về thuận lợi

- Kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2018 và các năm trước đây là tiền đề thuận lợi để tiếp tục phát triển. Hệ thống cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện, đồng bộ là nhân tố tác động tích cực đến kết quả thu hút các nguồn lực của các thành phần kinh tế cho đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, tạo năng lực sản xuất mới, nâng cao sức cạnh tranh.

- Việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, đặc biệt là các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng Khu kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi, cơ hội cho phát triển của tỉnh.

- Hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, trách nhiệm các cấp, ngành, công chức trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên, môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện là những yếu tố tích cực trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018.

2. Về khó khăn

- Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh yếu; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách điều hành, điều tiết của Trung ương và các yếu tố khách quan khác.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Thiếu mặt bằng sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp hạn chế đến việc thu hút đầu tư.

- Đời sống nhân dân ở các vùng xa, biên giới còn nhiều khó khăn; vấn đề giải quyết việc làm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông diễn biến phức tạp. Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, nguy cơ dịch bệnh có thể xảy ra ảnh hưởng đến sự phát triển và đời sống nhân dân.

II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nỗ lực cao nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn từ 8% trở lên. Chú trọng tăng trưởng chất lượng, bền vững, hiệu quả và sáng tạo; nâng cao năng suất lao động; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, năng lực cạnh tranh. Tập trung phát triển kinh tế cửa khẩu và các ngành dịch vụ; đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế 8 - 9%, trong đó nông lâm nghiệp 3,5 - 4%; công nghiệp - xây dựng 9 - 10%; dịch vụ 9 - 10%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp chiếm 19 - 20%, công nghiệp - xây dựng 19 - 20%, dịch vụ 60 - 61%.

- Thu nhập bình quân đầu người 44 - 45 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực khoảng 300 nghìn tấn.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng 9 - 10%.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 19.500 tỷ đồng.

b) Các chỉ tiêu xã hội:

- Xây dựng 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Tỷ lệ cứng hóa đường ô tô đến trung tâm xã đạt 79%.
- Phát triển thêm 16 trường học đạt chuẩn quốc gia.
- Tỷ lệ thôn, khối phố có nhà văn hoá đạt 97,5%.
- Phát triển thêm 23 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 60,6%; có 10 bác sỹ và 28,6 giường bệnh/10.000 dân; 96% người dân tham gia bảo hiểm y tế.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 52,5%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo khoảng 3%.
- Giảm tai nạn giao thông cả 3 tiêu chí từ 5% trở lên.

c) Các chỉ tiêu môi trường:

- Trồng mới 9.000 ha rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,5%.
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93%, tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch đạt 99,5%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom và xử lý đạt 94%, tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 97%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Về phát triển kinh tế

Tiếp tục tập trung thực hiện quyết liệt 3 nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020, đó là: Tập trung phát triển nhanh Khu kinh tế cửa khẩu, thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông. Triển khai thực hiện Luật Quy hoạch, tổ chức lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hải quan, thuế, kiểm dịch, xuất nhập cảnh, nâng cao năng lực thông quan để thu hút các thành phần kinh tế của cả nước đẩy mạnh các hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu vực cửa khẩu, trong đó tập trung nguồn lực, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án trọng điểm, cấp bách có vai trò thúc đẩy, tạo động lực cho phát triển kinh tế cửa khẩu. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh để huy động các nguồn lực từ các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng và phát triển sản xuất kinh doanh tại các khu vực cửa khẩu. Thực hiện điều chỉnh phạm vi, quy

mô Khu kinh tế cửa khẩu để khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế cửa khẩu của tỉnh.

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp toàn diện, theo hướng hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất gắn với đổi mới hình thức sản xuất, có sự tham gia của doanh nghiệp để hình thành các chuỗi giá trị từ sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi, tăng nhanh giá trị gia tăng của các sản phẩm để thúc đẩy phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp. Phát triển các mô hình chăn nuôi tập trung, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản. Thực hiện có hiệu quả chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt công tác trồng rừng mới, tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Chỉ đạo toàn diện, quyết liệt Chương trình xây dựng nông thôn mới, tập trung vào những xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019, 05 xã điểm đặc biệt khó khăn, các xã biên giới và 10 xã đặc biệt khó khăn mới lựa chọn chỉ đạo phấn đấu đến năm 2020 đạt từ 10 tiêu chí trở lên.

Tăng cường huy động nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh các tuyến đường giao thông ra các cửa khẩu, các tuyến chính đường nội thị, tuyến đường giao thông vành đai của thành phố Lạng Sơn; tiếp tục đầu tư, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện. Thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, triển khai có hiệu quả các dự án quan trọng tại khu vực cửa khẩu, thành phố Lạng Sơn theo hình thức đối tác công tư (PPP). Chỉ đạo, phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án Đường cao tốc Bắc Giang-Lạng Sơn, Hồ chứa nước Bản Lải.

Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp. Ưu tiên phát triển công nghiệp có tiềm năng, thế mạnh gắn với vùng nguyên liệu, nhất là nguyên liệu ngành nông lâm nghiệp và bảo đảm thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án xây dựng Cụm công nghiệp Hợp Thành 1, Hợp Thành 2, xúc tiến kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Phát triển mạnh thị trường nội địa, mở rộng mạng lưới chợ nông thôn để cung ứng các mặt hàng tiêu dùng và vật tư, nguyên liệu thiết yếu, đồng thời tiêu thụ các mặt hàng nông lâm sản cho nông dân. Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ngành dịch vụ có thế mạnh, khuyến khích phát triển một số loại dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh phát triển du lịch theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình du lịch, nhất là hạ tầng du lịch. Tạo thuận lợi, hỗ trợ tối đa cho nhà đầu tư, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Quản thể khu du lịch sinh thái, cáp treo Mẫu Sơn, tạo bước đột phá trong phát triển du lịch của tỉnh. Quản lý tốt hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém; kiểm soát chặt chẽ chất lượng, thị trường, giá cả hàng hóa.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội..., giảm tối đa các cuộc thanh tra, kiểm tra gây chông chéo, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh theo cơ chế thị trường. Chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, tạo sự chuyển biến rõ nét chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh trên toàn bộ các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện (DDCI).

2. Về phát triển xã hội

Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục. Rà soát và điều chỉnh quy hoạch lại mạng lưới trường lớp học.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, tập trung giảm quá tải bệnh viện tuyến trên, phát triển y học cổ truyền, y tế ngoài công lập, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế. Chủ động, tích cực phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế. Đổi mới cơ chế tài chính, mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

Tập trung xây dựng con người Việt Nam về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc. Tăng cường quản lý, tổ chức tốt các chương trình, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao phục vụ các ngày lễ lớn và các lễ hội truyền thống. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng lực lượng thể thao thành tích cao. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao. Tăng cường quản lý, đẩy mạnh phát triển hệ thống thông tin - truyền thông.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em; phát triển thanh niên. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng và nhân rộng các hình mẫu gia đình văn minh, hạnh phúc.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững. Tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ và chất lượng lao động qua đào tạo. Chú trọng giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm y tế. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo.

3. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý để bảo vệ, khai thác hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường; ngăn chặn việc khai thác trái phép, khai thác lãng phí các nguồn tài nguyên, thiên nhiên. Giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao chất lượng môi trường. Chủ động, tích cực thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. Về cải cách hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đẩy mạnh cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ, kiến tạo phát triển. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2020. Nghiên cứu, triển khai thực hiện mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công ở cấp tỉnh. Tăng cường kỷ luật kỷ cương hành chính, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức. Thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của hệ thống hành chính các cấp; tiếp tục phát triển dịch vụ công trực tuyến. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là các vụ việc tồn đọng, kéo dài. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Tăng cường quốc phòng, an ninh; công tác đối ngoại

Tiếp tục củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn kết chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/10/2017 của Bộ Chính trị. Kết hợp phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác quản lý biên giới, bảo đảm giữ vững an ninh, trật tự an toàn khu vực biên giới. Nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị, toàn diện với Quảng Tây (Trung Quốc). Mở rộng quan hệ với các cơ quan đại diện, tổ chức quốc tế, quan hệ cấp địa phương với các nước đối tác.

(Số liệu chi tiết theo các biểu tại Phụ lục III kèm theo Công văn này)

Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ vào Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 579/UBND-TH ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn này khẩn trương **xây dựng 03 báo cáo** về: (1) Đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, (2) Đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 và (3) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng UBND tỉnh **trước ngày 10/7/2018** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc sở;
- Lưu: VT, THQH.

GIÁM ĐỐC

Đã ký

Nguyễn Hữu Chiến

Danh sách gửi Công văn

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
2. Sở Nội vụ
3. Sở Tư pháp
4. Sở Tài chính
5. Sở Công Thương
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7. Sở Giao thông vận tải
8. Sở Xây dựng
9. Sở Tài nguyên và Môi trường
10. Sở Thông tin và Truyền thông
11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
13. Sở Khoa học và Công nghệ
14. Sở Giáo dục và Đào tạo
15. Sở Y tế
16. Sở Ngoại vụ
17. Thanh tra tỉnh
18. Ban Dân tộc tỉnh
19. Ban Quản lý Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn
20. Cục Thống kê tỉnh
21. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước
22. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
23. Công an tỉnh
24. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
25. Cục thuế tỉnh
26. Cục Hải quan tỉnh
27. Bảo hiểm xã hội tỉnh
- 28. UBND các huyện, thành phố (11 đơn vị)**